

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 7 - 2023

V/V: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Trần Xuân Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị D - Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn 6, xã Th, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Công H - Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn 4, xã Th, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

Chị D xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

Chị và anh Lê Công H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, được cưới theo phong tục tập quán tại địa phương có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/11/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được với nhau được 07 (bảy) năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất nên thường hay cãi vã nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan

tâm gì đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị xét thấy mâu thuẫn giữa chị và anh H đã rất trầm trọng, không còn tình cảm gì nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Công H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung cháu Lê Thị Phương L, sinh ngày 12/01/2014 và Lê Thị Đan Ch, sinh ngày 12/5/2019. Hiện nay cháu Phương L đang sống cùng anh H tại thôn 4, xã Thọ Tiến. Cháu Đan Ch đang sống cùng chị tại thôn 6, xã Thọ Tiến. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đan Ch, giao cháu Phương L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Lê Công H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị D kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được cưới theo phong tục tập quán tại địa phương có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/11/2013. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, mỗi người tự lo cuộc sống, không quan tâm đến nhau. Anh không mong muốn con có cha mà không có mẹ, anh xét thấy vợ chồng chưa đến mức độ ly hôn. NH nếu cô D yêu cầu ly hôn anh đề nghị giải quyết đơn phương cho cô D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Lê Thị Phương L, sinh ngày 12/01/2014 và Lê Thị Đan Ch, sinh ngày 12/5/2019. Hiện nay cháu Phương L đang sống cùng anh tại thôn 4, xã Thọ Tiến. Cháu Đan Ch đang sống cùng chị D tại thôn 6, xã Thọ Tiến. Nếu ly hôn, anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương L, giao cháu Đan Ch cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận giải quyết cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Lê Công H.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cho anh H trực tiếp nuôi cháu Lê Thị Phương L, giao cho

chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Đan Ch. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- + Về tài sản và công nợ: Các đương không yêu cầu nên không xem xét.
- + Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ cư trú tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn chị Lê Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Lê Công H không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất. Do vậy căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt anh H và chị D.

[2] Nội D vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Cả chị D và anh H đều thừa nhận: Anh H và chị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không đồng nhất, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, không còn hạnh phúc làm ảnh hưởng đến gia đình và con cái. Gia đình hai bên đã hòa giải nH không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Trong thời gian ly thân không quan tâm gì đến nhau, việc của ai người đó tự lo. Chị D yêu cầu ly hôn, anh H đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng, chị D và anh H đều công nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu, gia đình hai bên cũng đã hòa giải nH không có kết quả và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 10/2021 đến nay, trong thời gian ly thân các bên không hề quan tâm gì đến nhau. Anh H mặc dù đã xác định không còn tình cảm với chị D nH không khẳng định đồng ý ly hôn mà chỉ đề nghị giải quyết theo pháp luật, anh cho rằng vợ chồng chưa đến mức ly hôn, nH quá trình ly thân cũng như trong thời gian Tòa án giải quyết anh không đưa ra được các biện pháp cần thiết để hàn gắn tình

cảm gia đình. Chị D vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên HĐXX cần chấp nhận đơn của chị D và áp dụng Điều 56 Luật HN&GD xử cho chị D được ly hôn anh H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh H có 02 con chung là cháu Lê Thị Phương L, sinh ngày 12/01/2014 và Lê Thị Đan Ch, sinh ngày 12/5/2019. Hiện nay cháu L đang ở với anh H. Cháu Đan Ch đang ở với chị D. Trong trường hợp ly hôn, anh H và chị D đã thống nhất thỏa thuận là giao cháu Phương L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đan Ch cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền của cha mẹ; sự thỏa thuận của anh H và chị D là không trái đạo đức và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, giao cháu Phương L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đan Ch cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, anh chị không yêu cầu giải quyết và cũng do mỗi người nuôi một cháu, nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh H đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội D tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[4] Về án phí: Chị D là người yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Lê Công H.
2. Về nuôi con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung là:

- + Lê Thị Phương L - Sinh ngày 12 tháng 01 năm 2014;
- + Lê Thị Đan Ch - Sinh ngày 12 tháng 5 năm 2019.

2.1. Giao con chung Lê Thị Phương L cho anh Lê Công H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Giao con chung Lê Thị Đan Ch cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng

2.3. Chị D và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

2.4. Chị D và anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về Cha tài sản: Anh H và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm, nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0016936 ngày 21/3/2023 của Ch cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Anh H và chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Thọ Tiến (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

